

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 09/2022/TLST-DSST ngày 12 tháng 4 năm 2022

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Thái L, sinh năm: 1959

Trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, Thanh Hóa;

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm: 1977

Chị Hà Thị Đ, sinh năm: 1982

Đều trú tại: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất vợ chồng anh L, chị Đ còn nợ ông Đinh Thái L số tiền gốc 80.000.000đ tiền gốc (Tám mươi triệu đồng) và lãi xuất theo thoả thuận 1,5%/tháng x 13 tháng (Từ tháng 6/2021 đến hết tháng 7/2022) = 1.200.000đ/ tháng x 13 tháng = 15.600.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng số tiền vợ chồng anh L, chị Đ phải trả cho ông L là 95.600.000đ (Chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L,

chị Đ chưa thi hành án, hàng tháng anh L, chị Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức quy định tại Điều 357 và 468 - Bộ luật dân sự, trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Ông L là người cao tuổi, anh L, chị Đ thuộc hộ cận nghèo năm 2022. Các bên đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên ông L, anh L, chị Đ được miễn nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga

ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hằng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) chị đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0008611 ngày 18/7/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Bá Thước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga